

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VINGROUP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VINGROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINGROUP INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên công ty viết tắt: VINGROUP INV.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108238230

3. Ngày thành lập: 17/04/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 447A, ngõ 445, phố Nguyễn Khang, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0986969339

Fax:

Email: vimgroupjsc@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
2.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
3.	Bốc xếp hàng hóa	5224
4.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
5.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
6.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
7.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
8.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
9.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
10.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
11.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
12.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
13.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
14.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
15.	In ấn (Loại trừ các ấn phẩm bị cấm)	1811
16.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
17.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
18.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
19.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

20.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
21.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
22.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621(Chính)
23.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
24.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
25.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
26.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
27.	Trồng cây ăn quả	0121
28.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
29.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
30.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
31.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
32.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
33.	Chăn nuôi gia cầm	0146
34.	Chăn nuôi khác	0149
35.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
36.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
37.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
38.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
39.	Khai thác gỗ	0221
40.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
41.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (Trừ loại nhà nước cấm)	0722
42.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
43.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, grafit tự nhiên, và các chất phụ gia khác... ;Bột thạch anh, mica...	0899
44.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	0990
45.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
46.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
47.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
48.	Sản xuất sợi	1311
49.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
50.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
51.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
52.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
53.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1324

54.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1329
55.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
56.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
57.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
58.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
59.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
60.	Sản xuất giày dép	1520
61.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
62.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
63.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
64.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
65.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
66.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
67.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
68.	Sao chép bản ghi các loại (Loại trừ các ấn phẩm bị cấm)	1820
69.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
70.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
71.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
72.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2212
73.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
74.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
75.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
76.	Đúc sắt, thép	2431
77.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
78.	Sản xuất đồng hồ	2652
79.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
80.	Sản xuất xe đạp và xe cho người tàn tật	3092
81.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
82.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
83.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
84.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
85.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
86.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
87.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại (Loại trừ các chất thải gây hại).	3822

88.	Tái chế phế liệu	3830
89.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
90.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
91.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
92.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
93.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
94.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn các loại phụ tùng, bộ phận, linh kiện của ô tô và xe có động cơ khác như: săm, lốp, ắc quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ khác...; Bán lẻ, kể cả hoạt động bán qua đơn đặt hàng với bưu điện hoặc internet các loại phụ tùng, bộ phận, linh kiện của ô tô con loại 12 chỗ ngồi trở xuống như: săm, lốp, ắc quy, đèn, các phụ tùng điện, nội thất ô tô và xe có động cơ khác...	4530
95.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý	4610
96.	Bán buôn đồ uống	4633
97.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
98.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
99.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
100.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
101.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
102.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
103.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
104.	Bán buôn tổng hợp	4690
105.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
106.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
107.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
108.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
109.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
110.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
111.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774

112.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	4931
113.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô	4933

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN ĐỨC HOẠCH	Số 8, hẻm 432/18/4, phố Đội Cấn, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	800.000	8.000.000.000	80,000	036088000088	
			Tổng số	800.000	8.000.000.000	80,000		
2	TRIỆU THỊ THÚY	số 8, hẻm 432/18/4, phố Đội Cấn, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	10,000	001188014750	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	10,000		
3	VŨ THỊ ĐAN	Số 8, hẻm 432/18/4, phố Đội Cấn, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	10,000	036156002095	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	10,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC HOẠCH

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 02/05/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 036088000088

Ngày cấp: 28/08/2014

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 8, hẻm 432/18/4, phố Đội Cấn, Phường Cống Vị, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 447A, ngõ 445, phố Nguyễn Khang, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội